

Bản án số: 416 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2024
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi

Bà Nguyễn Thị Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Ánh – Kiểm sát viên Viện

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 264/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/QĐHPT-HNGĐ/2024 ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B – sinh năm 1984. Cư trú tại: số nhà E, tổ G, khu X, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T – sinh năm 1973. Cư trú tại: số nhà E, tổ G, khu X, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội (xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Bùi Văn T có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/02/2018 tại UBND thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội. Sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung

trong hôn nhân, mỗi người một suy nghĩ một lối sống và quan điểm sống khác nhau. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng không chia sẻ được với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau nữa, không ai hỏi han đến ai nên cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng chị đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa cho chị được ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con.

Về con chung: Chị B xác nhận chị và anh T có 01 con chung là Bùi Lệ Q, sinh ngày 02/10/2012. Con chung có nguyện vọng được ở với mẹ, chị B có nguyện vọng xin tha thiết được nuôi con, nếu được nuôi con chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận anh và chị Nguyễn Thi B1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08/02/2018 tại UBND thị trấn X, huyện C, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc giai đoạn đầu, tuy nhiên từ ngày chị B1 chuyển nơi làm việc mới khoảng 01 năm nay thì vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong công việc và lối sống dẫn đến vợ chồng có nhiều cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị B1 có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý với đơn yêu cầu ly hôn của chị B1

Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị B1 có 01 con chung là cháu Bùi Lệ Q, sinh năm 2012. Anh T nhất trí theo nguyện vọng ở với ai của con chung, giao cháu Q cho chị B1 nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh không có ý kiến gì

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị B1 vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh T. Về con chung: chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Bùi Lệ Q. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: giao cháu Bùi Lệ Q, sinh ngày 02/10/2012 cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn X, huyện C, Tp .. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Bùi Văn T đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B kết hôn với anh Bùi Văn T trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2018 tại UBND thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị B và anh T là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị B, kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống giữa chị B và anh T phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên có cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Trước yêu cầu của chị B xin ly hôn, anh T đồng ý với nội dung đơn ly hôn của chị B và anh xin được vắng mặt. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị B xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị B và anh T có 01 con chung là Bùi Lê Q, sinh ngày 02/10/2012. Chị B có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Xét thấy cháu Bùi Lê Q đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ. Mặt khác anh Bùi Văn T cũng nhất trí với đơn ly hôn của chị B, trong đơn ly hôn có phần con chung là chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt đối với hằng ngày hiện nay của con chung thì việc giao con chung cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Bùi Văn T

2.Về con chung: Giao 01 con chung là Bùi Lê Q, sinh ngày 02/10/2012 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi khác.

4.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo Biên lai thu tạm ứng án phí Ký hiệu: BLTU/23 số: 0002131 ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp ..

6.Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn X (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Đăng Khoa

